

Số: 13/2025/QĐST-HNGĐ

Nam Giang, ngày 26 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2025/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Như M, sinh năm: 1983.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ Dân phố D, thị trấn T, huyện N, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn, bà: Trần Thị Như M.

- Bị đơn, ông: Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Như M và ông Nguyễn Ngọc T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về tranh chấp nuôi con: Bà Trần Thị Như M và ông Nguyễn Ngọc T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà P, sinh ngày 19/9/2023. Bà M và ông T thoả thuận thống nhất giao con chung cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp nuôi con chung.

- Về quyền và nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Như M tự nguyện chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004030 ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Giang;
 - UBND thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
- (Bộ phận quản lý hộ tịch);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ALăng Ping